

(Lưu Diệt)

297/19

BỘ Y TẾ
CỤC QUẢN LÝ DƯỢC
ĐÃ PHÊ DUYỆT

Lần đầu: 06/10/2015

FOR EXPORT



BRETT Besant ibai - 4

Thành phần / Composition

Mỗi 5 ml (1 muỗng cà phê) chứa
[Each 5 ml (approx. teaspoonful) contains]:
 Calcium Lactobionate U.S.P. 700 mg
 (tương đương/ equivalent to 35 mg Calcium)
 Sắt III (Ferric) Ammonium Citrate U.S.P. 15 mg
 (tương đương/ equivalent to 3 mg Sắt / iron)
 Kẽm (Zinc) Sulphate B.P. 22.5 mg
 (tương đương/ equivalent to 5 mg Zinc)
 Magnesium Chloride Hexahydrate B.P. 42.5 mg
 (tương đương/ equivalent to 5 mg Magnesium)
 Manganese Sulphate Monohydrate B.P. 6 mg
 (tương đương/ equivalent to 2 mg Manganese)
 Peptone l-ốt hóa (iodised peptone) 0.5 mg
 (tương đương/ equivalent to 50 mcg Iodine)
 Nền hương liệu v.d. / Flavoured base q.s.

Lưu ý và cách dùng: 1 - 6 tuổi: mỗi lần 2.5 ml (nửa muỗng cà phê), ngày 2 lần; 7-15 tuổi: mỗi lần 5 ml (một muỗng cà phê), ngày 2 lần. Có thể dùng nguyên chất hay pha với một ít nước uống trước bữa ăn

LẮC ĐỀU TRƯỚC KHI DÙNG

Dose and administration: 1-6 years: 2.5 ml (half teaspoonful), twice daily; 7-15 years: 5 ml (teaspoonful) twice daily. It can be taken either plain or diluted in a little water, before meals.

SHAKE WELL BEFORE USE

Hộp 1 lọ 120 ml



Nhà Sản xuất:
RAPTAPOS, BRETT & CO. LTD
 1st Pokhran Road, Thane, 400 606. INDIA
 Sản xuất tại Ấn Độ
 Nhập khẩu bởi:

Chỉ định, chống chỉ định và các chi tiết khác
 Xin xem tờ hướng dẫn sử dụng trong hộp
Indications, contraindications & another details :
 Refer the package insert.

ĐỌC KỸ HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG TRƯỚC KHI DÙNG.
READ THE PACKAGE INSERT CAREFULLY BEFORE USE.
ĐỂ XA TẦM TAY CỦA TRẺ EM.
KEEP OUT OF REACH OF CHILDREN.
BẢO QUẢN Ở NHIỆT ĐỘ KHÔNG QUÁ 30°C, TRÁNH ÁNH SÁNG.
STORE AT A TEMPERATURE NOT EXCEEDING 30°C, PROTECTED FROM LIGHT.

Mfg. Lic. No.
 Số lô SX (Batch No.):
 Ngày SX (Mfg. date):
 Hạn dùng (Exp. date):
 Tiêu chuẩn SX: Nhà SX
 (Specifications: Manufacturer)
 SGK (Reg. No.):

One 120 ml bottle in a carton



RAPTAPOS, BRETT & CO. LTD
 1st Pokhran Road, Thane, 400 606. INDIA
 MADE WITH ASSURANCE IN INDIA

RAPTAPOS, BRETT & CO. LTD.
 Dr. Annie Besant Road, Worli,
 Mumbai - 400 030.

120 mm



Carton Size : 50 mm (L) x 50 mm (W) x 120 mm (H)

Hộp 1 lọ 120 ml

MINIGADINE[®]

XI-RÔ CHO TRẺ EM - PAEDIATRIC SYRUP

Mỗi 5 ml (một muỗng cà phê) chứa; Each 5 ml (approx. teaspoonful) contains:
Calcium Lactobionate U.S.P. (~ 35 mg Ca) 700 mg; Sắt III (Ferric) Ammonium Citrate U.S.P. (~ 3 mg Fe) 15 mg; Kẽm (Zinc) Sulphate B.P. (~ 5 mg Zn) 22.5 mg; Magnesium Chloride Hexahydrate B.P. (~ 5 mg Mg) 42.5 mg; Manganese Sulphate Monohydrate B.P. (~ 2 mg Mn) 6 mg; Pepton I-ô hóa (iodised peptone) (~ 50 mcg I-ô / Iodine). Hương liệu v.d. F/avogred base q.s.

LIỀU DÙNG: 1 - 6 tuổi: mỗi lần 2.5 ml (½ muỗng cà phê), ngày 2 lần;
7-15 tuổi: mỗi lần 5 ml (một muỗng cà phê), ngày 2 lần.
Có thể dùng nguyên chất hay pha với một ít nước uống trước bữa ăn.

DOSE: 1-6 years: 2.5 ml (half teaspoonful), twice daily;
7-15 years: 5 ml (teaspoonful) twice daily.

It can be taken either plain or diluted in a little water, before meals.
LẮC ĐỀU TRƯỚC KHI DÙNG. - Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.
SHAKE WELL BEFORE USE. - Store at a temperature not exceeding 30°C, protected from light.

Mfg. Lic. No. 1744
LSX (Batch No.)
NSX (Mfg. date)
HD (Exp. date)



Sản xuất bởi / Manufactured by
RAPTAKOS, BRETT & CO. LTD
1st Pochran Road, Thane, 400 605, INDIA
Sản xuất tại Ấn Độ - MADE WITH ASSURANCE IN INDIA

RAPTAKOS, BRETT & CO. LTD.
Dr. Annie Besant Road, Worli,
Mumbai - 400 030.

AKOS
Annie
Mu

Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng.
Để có thêm thông tin, xin liên hệ với bác sĩ của bạn.
Thuốc phải để xa tầm tay của trẻ em.

MINIGADINE

XI-RÔ CHO TRẺ EM

Thành phần: Mỗi 5 ml có chứa:

Lactobionat Calci U.S.P.	700 mg
(tương đương với 35 mg Calci)	
Citrat Ammoni Sắt III U.S.P.	15 mg
(tương đương với 3 mg nguyên tố Sắt)	
Sulphat Kẽm B.P.	22,5 mg
(tương đương với 5 mg Kẽm)	
Hexahydrat Clorua Manhê B.P.	42,5 mg
(tương đương với 5 mg Manhê)	
Monohydrat Sulphat Mangan B.P.	6 mg
(tương đương với 2,0 mg Mangan)	
Pepton I-ốt hóa	0,5 mg
(tương đương với 50 mcg I-ốt)	
Hương liệu	v.d.

Tá dược: Glucose lỏng B.P, Acid Edetic B.P, Methyl Hydroxybenzoat B.P, Propyl Hydroxybenzoat B.P, Propylen Glycol B.P, Acacia B.P, Lauryl Sulphat Natri B.P, Hydroxid Natri B.P, Saccharin Natri B.P, Acid Phosphoric B.P, hương dứa I.H.S, nước cất B.P.

Dạng bào chế: Xi-rô.

Quy cách đóng gói: Một lọ 120 ml thuốc trong hộp giấy.

Mô tả sản phẩm: Chất lỏng xi-rô đặc màu nâu nhạt hơi đục. Vị ngọt, hương dứa.

Chỉ định: Dùng phòng ngừa tình trạng thiếu vi chất ở trẻ em; biếng ăn; kém phát triển do dinh dưỡng; chậm phát triển tâm thần.

Liều và Cách dùng:

1-6 tuổi: 2,5 ml (nửa muỗng cà phê), mỗi ngày hai lần.

7-15 tuổi: 5 ml (một muỗng cà phê), ngày hai lần.

Cách dùng: Có thể dùng Minigadine nguyên chất hay pha với một ít nước uống trước bữa ăn. Lắc đều trước khi dùng.

Chống chỉ định: Mẫn cảm với bất kỳ thành phần nào của thuốc.

Cảnh báo và Thận trọng:

Cảnh báo: Trong trường hợp tăng calci niệu nhẹ hay suy thận, hay có bằng chứng hình thành sỏi đường niệu, cần kiểm tra thích hợp tình trạng bài tiết calci qua nước tiểu; nếu cần, nên giảm liều hay ngưng liệu pháp calci.

Thận trọng: Không dùng thuốc quá hạn ghi trên nhãn.

Tác dụng trên khả năng lái xe và vận hành máy móc: Minigadine xi-rô không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Phụ nữ mang thai và cho con bú: Thuốc này dành cho trẻ em.

Tương tác với thuốc khác: Các glucocorticoid, phenytoin, thức ăn có chứa phytat, oxalat làm giảm sự hấp thụ calci ở ruột.

Tác dụng không mong muốn: Thông báo cho thầy thuốc các tác dụng không muốn sau khi dùng.

Quá liều và cách điều trị: Lượng calci hấp thụ sau khi uống quá liều tùy thuộc vào tình trạng calci của từng người. Không chắc có tình trạng cố ý dùng quá liều và chưa thấy có báo cáo về việc dùng thuốc quá liều.

Tiêu chuẩn chất lượng: Tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.

Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ không quá 30°C, tránh ánh sáng.

Hạn dùng: Hai mươi bốn tháng kể từ ngày sản xuất.

Tên, địa chỉ nhà sản xuất:



RAPTAKOS, BRETT & CO. LTD.
1st Pokhran Road, Shastri Nagar, Thane -400606 Ấn Độ.
Tel: + 91 22 4085 8000 - Fax: + 91 22 4085 8010

Ngày duyệt lại tờ hướng dẫn sử dụng: Tháng mười, 2013.

RAPTAKOS, BRETT & CO. LTD.
Dr. Annie Besant Road, Worli,
Mumbai - 400 030.



TUQ. CỤC TRƯỞNG
P. TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Huy Hùng

IT & CO
Road, W
00 030.